CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO – HẠNH PHÚC

****

ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN BÌNH ĐIỀN

(Sửa đổi lần I thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2009)

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2009

Phần mở đầu

Điều lệ này của Công ty Cổ phần thuỷ điện Bình Điền (*dưới đây gọi là Công ty*) là Công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan. Điều lệ này sẽ là những qui tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi lần thứ nhất và được thông qua Đại hội đồng cổ đông sáng lập lần thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2009.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa.

Trong điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

"Vốn điều lệ" là vốn do các cổ đông góp được quy định tại điều 5 điều lệ này.

"Luật doanh nghiệp": có nghĩa là luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 thông qua ngày 29-12-2005.

"Hội đồng" có nghĩa là Hội Đồng quản trị (HĐQT) của Công ty.

"Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

"Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

"Pháp luật" là tất cả các văn bản qui phạm pháp luật, quy định tại điều 1 Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật, ngày 12/11/1996 và được sửa đổi bổ sung luật trên, ngày 27-12-2002

"Cán bộ quản lý" có nghĩa là Tổng Giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.

"Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại điều 4.17 của luật doanh nghiệp.

"Việt Nam" có nghĩa là: nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam.

1.2. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty.

2.1. Tên công ty:

Tên tiếng Việt: "Công ty Cổ phần Thuỷ điện Bình Điền.".

Tên tiếng Anh : " Bình Điền Hydropower Joint Stock Company".

Tên viết tắt: " BINH DIEN HJSC".

2.2. *Hình thức Công ty:* Công ty là một **Công ty cổ phần** có tư cách pháp nhân phù hợp

với Pháp luật Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty :

Địa chỉ: Xã Bình Điền huyện Hương trà tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: 054 356 0230; Fax: 054 356 0228

2.4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty (sẽ do HĐQT quyết định bổ nhiệm theo từng nhiệm kỳ)

2.5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

2.6. Trừ khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo của Điều lệ này; thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh là **50 mươi năm** (ngày cấp giấy đăng ký KD: 08/12/2003).

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty.

3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

Tư vấn, xây lắp các công trình điện.

Hoạt động kinh doanh bất động sản.

Sản xuất và kinh doanh điện.

Quản lý vận hành các nhà máy điện.

Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với quy định của Pháp luật.

3.2. Mục tiêu của Công ty: Sản xuất kinh doanh điện năng, cung cấp điện vào hệ thống điện lưới quốc gia, kinh doanh đa ngành nghề phát triển công ty vững manh, mang lại lợi ích kinh tế cho các cổ đông

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.

4.2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.

Điều 5. Vốn điều lệ.

5.1. Vốn Điều lệ của Công ty là: 155.000.000.000 VND *(một trăm trăm mươi lăm tỷ đồng).*

5.2. Mệnh giá và cổ phần:

a) Mệnh giá: cổ phần có mệnh giá là: 10.000 VNĐ/cổ phần .

b) Tổng số cổ phần: 15.500.000 cổ phần

Trong đó: Cổ phần phổ thông:10.500.000 Cổ phần, cổ phần ưu đãi Cổ đông sáng lập 5.000.000 cổ phần

5.3.Vốn điều lệ, tên địa chỉ các cổ đông, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần các loại theo danh sách cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông của công ty.

5.4. Nguồn vốn của Công ty gồm:

Vốn điều lệ;

Vốn vay;

Vốn huy động bằng cách phát hành cổ phiếu mới;

Vốn thông qua phát hành trái phiếu Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp;

Vốn huy động từ các nguồn khác khi được phép.

5.5. Thời hạn các cổ đông góp vốn để tăng vốn điều lệ do Hội đồng quản trị quy định.

5.6. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này có một loại cổ phần cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại điều lệ này.

5.7. Việc tăng vốn điều lệ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khi Công ty trở thành Công ty đại chúng đã lên sàn chứng khoán thì việc tăng giảm vốn điều lệ, mua bán cổ phiếu thực hiện theo quy định của luật chứng khoán.

5.8.Công ty có thể phát hành các cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với pháp luật.

5.9. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xá định tại thời điểm phát hành cổ phần.

5.10 Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày) để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết phải được Hội đồng quản trị kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

5.11. Công ty có thể mua cổ phần của mình(kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.12. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm , không có bảo đảm; khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

<u>Điều 6</u>: Chứng chỉ cổ phiếu.

6.1. Mọi cổ đông đều được cấp một chứng chỉ cổ phiếu trừ trường hợp được quy định tại

Điều 6.8 của Điều lệ này.

6.2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

6.3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (*trong trường hợp phát hành*) trong vòng hai tháng (*hoặc thời hạn lâu hơn như theo điều khoản phát hành quy định*) sau khi mua hoặc trong trường hợp chuyển nhượng .

6.4. Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

6.5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán chi phí liên quan cho Công ty.

6.6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

6.7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Công ty.

6.8. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần không ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng, hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

6.9. Khi đã có nghị quyết của HĐQT hoặc Đại hội đồng Cổ đông, việc vay vốn của Công ty với các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án mới hoặc đổi mới thiết bị công nghệ , phần bảo lãnh, thế chấp tài sản được tuân thủ theo các quy định của pháp luật về tín dụng; mọi cổ đông không chịu trách nhiệm bảo lãnh

Điều 7: Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế Cổ phần.

7.1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ trường hợp sau:

Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;

Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phiếu không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới bảo lãnh. Tỉ lệ hoa hồng được xác định bằng tỉ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

7.2. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông: tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

7.3. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp được quy định tại Điều 7.4 của điều lệ. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của ủy ban chứng khoán và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

7.4. Các cổ đông sáng lập không được rút khỏi tư cách thành viên Công ty trong vòng hai năm tài chính đầu tiên của Công ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng đường bưu điện chính thức cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các cổ đông sáng lập còn lại có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của cổ đông sáng lập trên theo tỉ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

7.5. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo cách bất kỳ nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng . Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp)

7.6. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

7.7. Trong trường hợp cổ đông là một thể nhân qua đời, Công ty thừa nhận người hoặc những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã qua đời, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ:

Người hoặc những người thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành và được cơ quan có thẩm quyền của Pháp luật xác nhận;

Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế với nhau.

7.8. Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu cổ phần được thừa kế sẽ trở thành cổ đông mới và có mọi quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác.

Điều 8: Thu hồi Cổ phần.

8.1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

8.2. Tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo cổ đông được thông báo phải thanh toán; nếu cổ đông không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi để chuyển nhượng cho cổ đông khác.

8.3. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả các cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu

hồi mà thực tế chưa trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây :

8.4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

8.5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp cho Công ty cộng với số tiền lãi theo tỉ lệ không quá 10 % một năm theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc yêu cầu thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

8.6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý.

9.1.Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị.

c) Tổng Giám đốc.

d) Ban Kiểm soát.

9.2. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; việc đề cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát; số lượng được đề cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát căn cứ vào cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại điều 20 và điều 34 của điều lệ này.

Các chức danh lãnh đạo quản lý chủ chốt của Công ty quy định như sau:

a) Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch HĐQT và tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng ban của Công ty.

b) Ban Kiểm soát bầu ra Trưởng Ban Kiểm soát

9.3.Các chức danh: Uỷ viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng; trưởng các phòng ban nghiệp vụ và chức vụ tương đương của Công ty phải được HĐQT biểu quyết thông qua. Những người được trúng cử phải được ít nhất 2/3 thành viên HĐQT tán thành.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của cổ đông .

10.1.Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỉ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

10.2 Mỗi cổ đông thể nhân không được sở hữu quá 10% vốn điều lệ của Công ty.

10.3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường; bầu cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nếu có đủ các điều kiện cần thiết theo quy định của Điều lệ;

c) Được tuyển chọn giữ các chức vụ của Công ty, nếu có đủ các điều kiện nắm giữ các chức danh đó;

d) Chia lãi cổ phần theo kết quả kinh doanh hàng năm theo số cổ phần sở hữu;

e) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh tóan đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;

f) Ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

g) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

h) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỉ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

10.4. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau:

a) Nhận cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông.

b) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỉ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi hoàn lại;

c) Các quyền khác như cổ phần phổ thông trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty;

10.5. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau:

a) Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu bằng hai lần số phiếu biểu quyết của một cổ phần phổ thông.

b) Các quyền khác như cổ phần phổ thông trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.

10.6. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền sau:

Có các quyền khác như cổ phần phổ thông nhưng không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

10.7. Người nắm giữ cổ phiếu ưu đãi sáng lập ngoài các quyền như cổ phần phổ thông còn được hưởng các quyền ưu đãi sau:

a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị, mỗi cổ phiếu sáng lập được hưởng mức lợi tức cổ phần cao hơn lợi tức cổ phần của một cổ phiếu phổ thông trong ba năm kể từ khi có lãi.

b) Các cổ phiếu sáng lập có thể được thừa kế, chuyển nhượng và sau khi đã chuyển nhượng, cổ phiếu này vẫn được hưởng các ưu đãi ban đầu.

c) Các cổ phiếu sáng lập có thể được hưởng những quyền ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông sau này quyết định.

10.8 .Các quyền ưu đãi nêu trên không bị phủ quyết bằng bất kỳ các quyết định nào khác trừ trường hợp các cổ đông tán thành sửa đổi và có nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

10.9 .Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát .

b) Yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền khác được quy định tại điều lệ này.

10.10. Mỗi cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông liên tục 6 tháng liền có quyền đi dự đại hội cổ đông và có quyền biểu quyết trong đại hội.Mỗi cổ đông có một phiếu biểu quyết riêng

Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiêm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 12: Đại hội đồng cổ đông.

12.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông Thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

12.2. Đại hội đồng cổ đông Thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một điểm ở Việt nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông Thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập, trường hợp cần thiết và theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, được tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm

12.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Theo đề nghị của các kiểm toán viên độc lập (nếu xét thấy cần thiết) .

c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo báo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa.

d) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

e) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ vốn điều lệ quy định tại điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan .

f) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý Cao cấp vi phạm nghiêm trọng trong các nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty.

12.4. ***Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông***

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của các thành phần được nêu tại Điều (10.9) ở trên.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điều (10.9) của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.

d) Khi không có đủ điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thì có thể tiến hành lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. nếu tỷ lệ cổ đông chiếm từ 65% vốn điều lệ tán thành thì cũng coi như đã Thông qua như họp Đại hội cổ đông .

e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại

Điều 13: Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

13.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính hàng năm;

b) Báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của các kiểm toán viên (nếu có)

e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

13.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

a) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;

b) Phê chuẩn Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán;

e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc .

f) Phê chuẩn tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị Ban Kiểm soát

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l) Thông qua định hướng phát triển của Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 40% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

m) Công ty mua hoặc mua lại trên 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

n) Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o) Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán; và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

13.3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua nếu:

a) Các hợp đồng hoặc những vấn đề có liên quan đến cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua cổ phần của cổ đông hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.

13.4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào trong chương trình họp.

Điều 14: Các đại diện được ủy quyền

14.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

14.2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác được Hội đồng quản trị chấp nhận và phải đảm bảo một trong hai điều kiện sau:

a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền hoặc bởi luật sư của người đó;

b) Trường hợp là tổ chức pháp nhân (Công ty) thì phải được một luật sư hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Công ty đó ký tên và đóng dấu.

14.3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

14.4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông ủy quyền xẩy ra các trường hợp sau:

a) Chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

14.5. Tuy nhiên, điều 14.4 sẽ không được áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại

Điều 15: Thay đổi các quyền .

15.1. Với sự chấp nhận của Đại hội đồng cổ đông, khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó, hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một cuộc họp.

15.2. Trừ khi các điều khoản về thủ tục phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp, và Thông báo.

16.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại tại Điều **12.4b** và điều **12.4c**.

16.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty; Xác định thời gian và địa điểm đại hội; Thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội và gửi thông báo đến cho họ.

16.3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc cho Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có website, thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

16.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 5 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

16.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều lệ này nếu:

a) Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 9% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên ;

c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;

d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

16.6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

16.7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp (hoặc đại diện được uỷ quyền) tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ. Khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý nhưng nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt (Hoặc đại diện được ủy quyền) thông qua đều là hợp lệ.

Điều 17: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết và biên bản đại hội đồng cổ đông

17.1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ

cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ toạ của đại hội, chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc chủ toạ được bầu của đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ toạ, tên người được bầu làm chủ toạ và số phiếu bầu cho chủ toạ phải được công bố.

17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

17.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đền sau đây phải được 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông (hoặc đại diện uỷ quyền) nắm giữ vốn điều lệ có mặt trực tiếp tại đại hội liên tục từ 6 tháng trở lên mới có giá trị thực hiện:

a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.

b) Quyết định loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán.

c) Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty.

d) Bán từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

17.3. Các nghị quyết về vấn đề khác của Đại hội đồng cổ đông (ngoài điểm 17.2 nói trên) phải được thông qua bởi từ 65 % phiếu bầu của các cổ đông (hoặc đại diện uỷ quyền) có mặt trực tiếp tại đại hội có quyền biểu quyết tán thành thì mới hợp lệ.

17.4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ toạ và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

17.5. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết đại hội phải được triệu tập lại chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 30% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

17.6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

17.7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một **thẻ biểu quyết**, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu

quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ toạ thông báo ngay khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ toạ sẽ chọn những người đó.

17.8. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ toạ không phải dừng đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

17.9. Quyết định của chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ là quyết định cuối cùng .

17.10. Chủ toạ của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được ý kiến mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

17.11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền được tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

17.12. ***Biên bản đại hội đồng cổ đông***:

Đại hội đồng cổ đông phải được ban thư ký lập biên bản. Văn phòng công ty và ban thư ký chịu trách nhiệm gửi các biên bản cho các cổ đông hoặc đăng trên trang website của Công ty trong vòng 15 ngày sau đại hội. Biên bản phải được đọc thông qua đại hội và được chủ toạ và thư ký đại hội ký tên. Các bản ghi chép , văn bản uỷ quyền , phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan khác đến đại hội phải được lưu trữ tại Văn phòng trụ sở chính Công ty

Điều 18: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ra nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

18.1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ra nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

18.2. Các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông có thể được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản khi không có điều kiện họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Nghị quyết hợp lệ và có giá trị thực hiện khi tỷ lệ cổ đông nắm giữ vốn điều lệ có quyền biểu quyết tán thành được quy định như điều **17.2** và **17.3** bản điều lệ này.

18.3. Khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ra nghị quyết ; Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi văn bản, tài liệu liên quan đến các cổ đông bao gồm các tài liệu sau:

Phiếu xin ý kiến cổ đông, phiếu bầu kèm theo dự thảo nghị quyết (hoặc quyết định), phiếu xin ý kiến có yêu cầu thời hạn cổ đông trả lời.

Tất cả các tài liệu liên quan đến vấn đề xin ý kiến để cổ đông có đầy đủ thông tin đưa ra các quyết định chính xác.

18.4. Quá thời hạn Quy định trong phiếu xin ý kiến; nếu Cổ đông không có ý kiến trả lời các vấn đề HĐQT xin ý kiến thì coi như Cổ đông đó đã đồng ý.

18.5. Chủ tịch HĐQT xác định kết quả bỏ phiếu hoặc xin ý kiến và thông báo kết quả trên trang website của Công ty (nếu có) và gửi thông báo cho các Thành viên HĐQT trong vòng 15 ngày; các lá phiếu của cổ đông phải được lưu tại văn phòng Công ty.

18.6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi xin ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết tại hội nghị đại hội đồng cổ đông họp tập trung.

Điều 19: Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Nội dung của nghị quyết, quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

20.1. Số thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không nhiều hơn bảy (7) người. Mỗi thành viên HĐQT có nhiệm kỳ là bốn (4) năm và có thể được bầu lại tại đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ tiếp theo. Khi bầu các thành viên HĐQT phải thực hiện theo cơ cấu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên cũ được bầu lại và có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên độc lập không tham gia các chức vụ quản lý của công ty như: Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng...

20.2. Các cổ đông căn cứ vào số lượng cổ phần thực tế nắm giữ từ 6 tháng trở lên có quyền biểu quyết tại thời điểm bầu cử thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cử số người bầu vào HĐQT theo tỷ lệ cổ phần quy định tại điều 20, khoản **20.3** của điều lệ này.

20.3.Tại phiên họp của HĐQT trước khi họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc nhiệm kỳ: Hội đồng quản trị căn cứ vào lượng nắm giữ cổ phần của cổ đông (*pháp nhân và thể nhân*) đề xuất phân bổ số lượng người ứng cử vào HĐQT giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu vào khoá tiếp theo trên cơ sở dưới đây:

a) Cổ đông là Pháp nhân nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết lớn hơn 10% đến nhỏ hơn 30% vốn điều lệ liên tiếp từ 6 tháng trở lên có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên để bầu vào HĐQT; nếu cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử hai (02) thành viên vào HĐQT; nếu từ 50% đến dưới 70% thì được đề cử ba (03) thành viên; nếu từ 70% trở lên thì được đề cử bốn (04) thành viên .

b) Những cổ đông thể nhân và pháp nhân nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp có quyền gộp số cổ phần của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các thành viên bầu vào HĐQT. Nếu như tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết mà nhóm cổ đông nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì được đề cử một (01) thành viên vào HĐQT; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì được đề cử hai (02) thành viên ; nếu từ 50% đến dưới 70% thì được đề cử ba (03) thành viên; nếu từ 70% trở lên thì được đề cử bốn (04) thành viên .

20.4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty.

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có khả năng hành vi.

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong hai kỳ họp mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Thành viên đó vi phạm kỷ luật bị cách chức hoặc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

20.5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thay thế thành viên cũ không còn tư cách thành viên HĐQT, thành viên mới phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 21: Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

21.1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty (trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông). Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

21.2. Các thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

21.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác.

21.4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện như Luật doanh nghiệp quy định. Cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e) Giải quyết các khiếu nại của các cổ đông về Công ty, về cán bộ quản lý, quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý của Công ty;

f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng

loại;

g) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các giấychứng nhận quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h) Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc miễn nhiệm hoặc cách chức đó không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người đó đã ký với Công ty.

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các thủ tục đầu tư, xây dựng theo quy định hiện hành.

l) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

21.5. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn

a) Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Việc thành lập các Công ty con của Công ty;

c) Thông qua các hợp đồng kinh tế (mua, bán, vay, cho vay) và các hợp đồng khác của Công ty có giá trị từ 2% vốn điều lệ trở lên và giao cho Tổng giám đốc tổ chức ký kết, thực hiện, riêng đối với hợp đồng xây lắp có giá trị 15 tỷ đồng trở xuống đã có trong kế hoạch của Công ty đã được HĐQT phê duyệt tổng thể thì giao cho Tổng giám đốc tổ chức ký kết thực hiện , trừ trường hợp được quy định tại điều **120** của luật doanh nghiệp .

d) Bổ nhiệm và bãi nhiệm những cán bộ quản lý từ cấp trưởng phòng ban công ty trở lên, Bổ nhiệm hoặc uỷ nhiệm người là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty; (*riêng cấp phó phòng và chức vụ tương đương thì Tổng giám đốc đề xuất HĐQT thông qua, tổng Giám đốc ra quyết định*);

e) Vay nợ và thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo lãnh của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh;

g) Mua cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty. Bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;

j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định thì HĐQT chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình;

l) Cử cán bộ nhân viêc công ty đi công tác học tập tại nước ngoài.

21.6. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội

đồng quản trị thì báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

21.7. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty làm việc với các đối tác của công ty. Người được uỷ quyền có toàn quyền quyết định khi làm việc với các đối tác và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước HĐQT về các quyết đinh của mình .

21.8.Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do HĐQT đề xuất, Đại hội đồng cổ đông quyết định.

21.9.Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

21.10. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

21.11.Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi phí khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đề nghị định mức các khoản chi phí như các khoản phụ cấp, công tác phí, đi lại, ăn , ở... của các thành viên HĐQT và các cán bộ quản lý khác trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

<u>Điều 22</u>: Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị.

22.1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT (quy định tại điều 9, của bản điều lệ này). Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản quy chế thuộc chức năng, quyền hạn của HĐQT.

22.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ toạ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tich tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của vai trò chủ tịch vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể đề cử một người khác thay trong số thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

22.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty; báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm điểm hoạt động của Hội đồng quản trị tại các buổi họp Đại hội đồng cổ đông .

22.4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bi bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế chậm nhất trong thời hạn 10 ngày.

<u>Điều 23</u>: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

23.1.Mọi thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

23.2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị (hoặc của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị) mà người chỉ định người thay thế là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà người đó được ủy quyền. Trong trường hợp người chỉ định vắng mặt thì không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, khoản thù lao đó Công ty sẽ chuyển cho người thay thế nhận.

23.3. Trong trường hợp thành viên HĐQT hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ khi họ không có mặt tại Việt nam.

23.4. Thành viên thay thế phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định người thay thế không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này chỉ định trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

23.5. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

23.6.Ngoài những quy định đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị chính thức và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình như một thành viên chính thức.

Điều 24: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

24.1. Các cuộc họp thường kỳ. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ba (3) tháng một lần (theo quý) Chủ tịch của Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp gửi tới các thành viên và những người mời đến dự họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp HĐQT bất thường nếu xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý HĐQT phải họp một lần.

24.2. Các cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch triệu tập họp. Chủ tịch không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi có một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản HĐQT phải họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến Công ty. Các đối tượng gồm:

a) Giám đốc hoặc phó Tổng giám đốc thứ nhất;

b) Năm nhân viên quản lý trong Công ty trở lên ;

c) Ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e) Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% cổ phiếu phổ thông trở lên lên tục trong sáu (6) tháng liền

24.3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 15 ngày sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản **24.2** điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

24.4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

24.5. *Địa điểm các cuộc họp*: Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở tại Việt nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

24.6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 7 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

24.7. *Số thành viên tham dự tối thiểu*: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

24.8. *Biểu quyết:*

a) Trừ quy định khác tại bản Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết .

b) Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng và giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Khi đó thành viên Hội đồng quản trị ấy sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó có quyền biểu quyết.

c) Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

d) Theo quy định tại các điểm trên của điều này, trong một cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị nào đó hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ toạ của cuộc họp. Quyết định của vị chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng .

24.9. *Tuyên bố lợi ích*: Một thành viên Hội đồng quản trị, trực tiếp hay gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải báo cáo với Công ty về bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp của Hội đồng quản trị phiên gần nhất để HĐQT xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

24.10. *Biểu quyết đa số*: Đối với những quyết định sau đây, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi có 2/3 số thành viên của Hội đồng quản trị tán thành:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;

f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h) Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

24.11. Còn những vấn đề khác ngoài quy định tại điều **24.10** nêu trên, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo đa số ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

24.12. ***Việc bỏ phiếu của thành viên vắng mặt***:

Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt tại cuộc họp (có lý do chính đáng) có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản gửi qua fax, e-mail..đến hội nghị . Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc thư ký hội nghị trước 1 tiếng đồng hồ thời gian dự kiến cuộc họp.

24.13. ***Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.***

Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức bằng hình thức họp trên điện thoại với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể như sau:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự một cách đồng thời

c) Việc trao đổi, thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (tùy theo phương tiện thông tin có tại thời điểm họp). Thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp bằng điện thoại hoặc bằng các phương tiện thông tin như vậy được coi là "có mặt" và cuộc họp được coi là hợp lệ. Mọi nghị quyết được thông qua tại cuộc họp theo hình thức trên có giá trị như cuộc họp bình thường khác nhưng phải được khẳng

định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

24.14. ***Nghị quyết bằng văn bản:***

Khi HĐQT không có điều kiện họp tập trung thì Chủ tịch (hoặc Ban thư ký được uỷ quyền) gửi phiếu lấy ý kiến và dự thảo nghị quyết đến các thành viên để ký từng người. Nghị quyết bằng văn bản xin ý kiến phải được ký bởi những thành viên Hội đồng có quyền biểu quyết.Số lượng thành viên tán thành không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng mới hợp lệ . Loại nghị quyết bằng hình thức này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua tại một cuộc họp tập trung.

24.15. ***Biên bản cuộc họp HĐQT.***

Thư ký HĐQT dự thảo biên bản cuộc họp và có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên; biên bản cuộc họp được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó . Biên bản sẽ lập bằng tiếng Việt và được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

24.16. ***Những người được mời họp HĐQT*** :

Trong các phiên họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể mời: Tổng Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia, cố vấn của Công ty hoặc các bên đối tác để nghe và tham gia ý kiến đối với các vấn đề của công ty. Những đại biểu này không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

24.17. ***Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.***

Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để giúp việc và tư vấn cho HĐQT. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể. Các nhân viên trong các tiểu ban có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiêm. Lương hoặc phụ cấp cho các nhân viên thuộc các tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định và phải được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 25: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành một số Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc Phó tổng giám đốc điều hành có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn nhiêm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức theo cac quy định tại điều 24.10 bản điều lệ này.

Điều 26: Cán bộ quản lý

26.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc được HĐQT chấp thuận công ty bổ nhiệm một số lương nhất định các loại cán bộ quản lý thuộc các lĩnh vực cần thiết cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Cán bộ quản lý được bổ nhiệm phải là người có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất của Công ty.

26.2. Tiền lương, tiền thù lao , các quyền lợi khác của cán bộ quản lý được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Chủ tịch HĐQT ký; các hợp đồng với người lao động khác khác do Tổng giám đốc ký.

Điều 27: Tổng giám đốc

27.1. *Tuyển dung và **bổ nhiệm***:

Hội đồng quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm Tổng giám đốc. Việc tuyển chọn phải được 2/3 số thành viên HĐQT tán thành trở lên. Sau khi được tuyển chọn bổ nhiệm Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với HĐQT.

27.2.Tổng Giám đốc là người đại điện cho Công ty trước Pháp luật và các bên đối tác có liên quan của Công ty. Tổng giám đốc phải là người có văn bằng đại học chuyên ngành kỹ thuật: Cơ - Điện, Xây dựng hoặc Kinh tế, có kiến thức và có kinh nghiệm ít nhất 7 năm về các chuyên ngành trên, hiểu biết Pháp luật, có sức khỏe và không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ điều hành nào tại bất cứ cơ quan nào khác.

27.3. *Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.*

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc cùng với nhiệm kỳ của HĐQT, là bốn (4) năm. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện nhưng phải đủ tiêu chuẩn quy định; Tổng Giám đốc không được phép là người bị luật pháp cấm theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

27.4.*Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư và Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các qui chế của Công ty.

b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông;

c) Tổng giám đốc được quyền nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế với các đối tác, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d) Quyết định khen thưởng đối của các cán bộ quản lý thuộc quyền quản lý của Tổng giám đốc .

e) Đề xuất tuyển chọn các cán bộ thuộc quyền quản lý của HĐQT gồm: Kế toán trưởng, phó Tổng giám đốc, các trưởng các Phòng, Ban hoặc chức vụ tương đương.

f) Xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, thôi việc, mức lương, trợ cấp, lợi ích, các vấn đề liên quan đến hợp đồng lao động của cán bộ từ cấp phó phòng ban và cấp tương đương

g) Quyết định tuyển chọn, cho thôi việc và quyền lợi đối với nhân viên nghiệp vụ, công nhân sản xuất, khi đã có phê duyệt về số lương và chủ chương của HĐQT.

h) Chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của Công ty.

i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;

j) Chuẩn bị các bản quy chế thuộc tất cả các lĩnh vực cần quản lý của Công ty, chuẩn bị kế hoạch dài hạn 5 năm, định hướng 10 năm, kế hoạch ngắn hạn hàng năm, hàng quý và kế hoạch tác nghiệp hàng tháng kèm theo kế hoạch về tài chính của Công ty để cân đối và báo cáo trình Hội đồng quản trị thông qua.

27.5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm Báo cáo trung thực định kỳ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng , quý, năm , cho HĐQT Báo cáo đột xuất mọi vấn đề cho HĐQT khi có yêu cầu của HĐQT.

Tại các buổi họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu Tổng Giám đốc phải báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .

27.6. ***Bãi nhiệm***

Khi vì một lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất đa số 2/3 số thành viên hội đồng biểu quyết tán thành. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 28: Tiêu chuẩn tuyển chọn Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý Công ty.

28.1. Phó Tổng giám đốc được tuyển chọn và bổ nhiệm phải là người có văn bằng đại học kỹ thuật chuyên ngành: Cơ-Điện, Xây dựng, Kinh tế, có sức khỏe có kiến thức và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh, hiểu biết pháp luật và không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ điều hành nào tại bất cứ cơ quan kinh tế nào khác và không thuộc diện như quy định tại luật Doanh nghiệp.

28.2. Kế toán trưởng là người có văn bằng đại học về chuyên ngành Tài chính kế toán, có kiến thức và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh, hiểu biết pháp luật và không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ điều hành nào tại bất cứ cơ quan kinh tế nào khác.

28.3. Các Trưởng, Phó phòng, Ban là người có văn bằng đại học chuyên ngành kỹ thuật phòng mình phụ trách, có kiến thức quản lý kinh doanh, hiểu biết pháp luật và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm công tác. Trưởng phòng không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ điều hành nào tại bất cứ cơ quan kinh tế nào khác.

Điều 29: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

29.1. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

b) Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp nhận.

29.2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì :

a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty; kể cả cho người quản lý;

c) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

d) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm (a) và (b) Điều này;

29.3. Các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 30: Thư ký Công ty.

30.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký HĐQT (theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký HĐQT vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban thư ký (cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty) và cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty tùy thuộc vào công việc từng thời điểm , nhu cầu công việc của HĐQT.

30.2. Nhiệm vụ của thư ký Công ty :

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị ;

a) Làm biên bản các cuộc họp;

b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

c) Cung cấp thông tin cho Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

d) Tiền lương và các quyền lợi khác của thư ký Công ty, do HĐQT quyết định.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 31: Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác được ủy thác trách nhiệm lãnh đạo và tham gia điều hành Công ty phải thực hiện các nhiệm vụ của mình (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị) một cách trung thực, mẫn cán và cẩn trọng. Họ phải luôn theo phương thức là: Vì lợi ích cao nhất của Công ty và luôn làm việc với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm đương nhiệm vụ là người quản lý điều hành Công ty.

Điều 32: Trách nhiệm trung thực và tránh các mâu thuẫn về quyền lợi

32.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty phải trung thực với công việc, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty để phục vụ cho lợi ích cá nhân mình; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để mang lại lợi ích cho cá nhân mình hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

32.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích của mình có thể gây ra bất lợi cho mình mà lợi ích này là do họ có thể được hưởng qua các pháp nhân kinh tế,

các giao dịch khác. Những đối tượng này chỉ có thể hưởng những quyền lợi đó khi các thành viên HĐQT xác định đó là quyền lợi hợp pháp của họ, không phải do họ lợi dụng chức vụ hay quyền hạn của họ mà có.

32.3. Công ty không được phép cho vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

32.4 Khi có một hợp đồng kinh tế (hoặc giao dịch, dịch vụ) giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc bất kỳ một công ty, hiệp hội, tổ chức nào khác mà ở đó có một hoặc nhiều nhóm thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý những người có liên quan đến lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa và hợp lệ trong các trường hợp sau:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những nội dung quan trọng của hợp đồng (hoặc giao dịch, dịch vụ) cũng như các mối quan hệ về lợi ích kinh tế của các cán bộ quản lý nêu trên đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị (*hoặc tiểu ban của HĐQT có liên quan*) mà HĐQT (*hoặc tiểu ban đó*) đã xác nhận hợp đồng hoặc giao dịch đó là hoàn toàn khách quan, trung thực không thiệt hại tới Công ty và đã biểu quyết bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đến vấn đề nêu trên.

b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở lên, những nội dung quan trọng của hợp đồng (hoặc giao dịch, dịch vụ) cũng như các mối quan hệ về lợi ích kinh tế của các cán bộ quản lý nêu trên đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị (*hoặc tiểu ban của HĐQT có liên quan*) mà HĐQT (*hoặc tiểu ban đó*) đã xác nhận hợp đồng hoặc giao dịch đó là hoàn toàn khách quan, trung thực không thiệt hại tới Công ty và đã biểu quyết bằng đa số phiếu tán thành của đai hội đồng cổ đông hoặc đại hội đại biểu cổ đông thông qua.

c) Các hợp đồng (hoặc giao dịch , dịch vụ đó) đã được một tổ chức Tư vấn độc lập xác nhận là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty tại thời điểm giao dịch, hoặc cổ đông cho phép thực hiện bằng hình thức thông qua tại Đại hội đồng cổ đông được đa số tán thành.

32.5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

<u>Điều 33</u> Trách nhiệm và bồi thường.

33.1.*Trách nhiệm*:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác hành động và có việc làm không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ trách nhiệm của của mình không cẩn trọng, mẫn cán, không đem hết năng lực chuyên môn của mình mà gây thiệt hại cho cho Công ty thì sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. HĐQT sẽ căn cứ vào mức độ vi phạm để quy trách nhiệm cho các cán bộ quản lý đó gây nên.

33.2. *Bồi thường*

Công ty phải bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu kiện, khởi tố, đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là việc dân sự, hành chính (*mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty*) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (*hay Công ty con của Công ty),* người đó đang làm nhiệm vụ của Công ty (*hay Công ty con của Công ty*) giao với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác đại diện cho Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (*kể cả phí thuê Luật sư),* chi phí các khoản tiền phạt, các khoản khác vv... hợp lý trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Điều kiện bồi thường là: người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán , đã đem hết năng lực khả năng chuyên môn và đã áp dụng mọi biện pháp theo đúng pháp luật mà người đó cho rằng: việc làm đó là vì lợi ích cao nhất của Công ty và không có sự phát hiện nào người đó đã thiếu trách nhiệm của mình trong công việc. Để tránh trách nhiệm bồi thường, Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó.

CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT

Điều 34: Ban Kiểm soát.

34.1. Ban Kiểm soát do đại Hội đồng cổ đông bầu. Số lượng thành viên do đại hội đồng cổ đông biểu quyết từ ba (3) đến năm (5) thành viên. Trong đó có một thành viên có chuyên môn nghề kế toán.

34.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại điều 123 của Luật doanh nghiệp và điều lệ này; quyền hạn, trách nhiệm chủ yếu được cụ thể sau đây:

a) Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến trình Đại hội đồng cổ đông về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập (nếu có), mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

b) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc thuê tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

c) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị và Đại hộ đồng cổ đông;

d) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại, phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ, cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập nêu ra, xem xét những kiến nghị quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty (nếu có);

e) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

34.3. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu (6) tháng liên tục trở lên có thể tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.

34.4. Nếu tỉ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến dưới 50% thì họ được phép đề cử một người; nếu trên 50% thì họ được đề cử hai (2) người;

34.5. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Văn phòng công ty có trách nhiệm sao chụp các thông tin cung cấp cho Ban Kiểm soát cũng như cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị.

34.6. Ban kiểm soát bàu trong số các thành viên một trưởng ban. Trưởng ban có trách nhiệm điều hành công việc của ban, phân công công việc cho các thành viên trong ban, chịu trách nhiệm với Cổ đông về những hoạt động của mình

34.7. Quyền hạn nhiệm vụ trách nhiệm của trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Chịu trach nhiệm trước cổ đông và pháp luật nếu gián tiếp hoặc trực tiếp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty

34.8.Mức thù lao cho các thành viên của Ban Kiểm soát sẽ do HĐQT đề xuất, Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho thành viên HĐQT. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

34.9. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phải ban hành các quy chế hoạt động của Bankiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (*quy chế cần nêu rõ cụ thể, nguyên tắc làm việc, hội họp, báo cáo vv...)* ; Khi cần thiết Ban Kiểm soát có thể trình HĐQT phê duyệt trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.

34.10.Các thành viên của Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là bốn (4) năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu Ban Kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi bầu yêu cầu cơ cấu cần có thành phần những ngừơi giỏi chuyên môn nghiệp vụ khác nhau như: kế toán, xây dựng, quản lý kinh tế ...

34.11. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

d) Thành viên Ban Kiểm soát đó vắng mặt liên tục không có lý do trong ba (3) cuộc họp liên tiếp của Ban Kiểm soát thì Ban Kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT tạm

cử người khác thay thế. Người thay thế này phải được Đại hộ đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp gần nhất .

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 35: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

35.1.Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 20, khoản 20.3, mục b đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

35.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

35.3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

35.4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

CHƯƠNG XII. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 36: Lao động và Công đoàn

36.1 Hàng năm Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Giám đốc phải thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động như : Chế độ nghỉ phép, chế độ khen thưởng được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có) đối với người lao động để trình Hội đồng quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.

36.2 Hội đồng quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty; Căn cứ vào tổng quỹ lương, Giám đốc trình HĐQT quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty. Công ty ưu tiên tuyển chọn người lao động tại địa phương và người lao động thuộc các thành viên sáng lập.

36.3. Tổ chức Công đoàn được thành lập tại Công ty và hoạt động theo luật Công đoàn. Công đoàn và Giám đốc phải phối hợp chăm lo đến quyền lợi của người lao động trong Công ty, Công đoàn phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc, đôn đốc người lao động thực hiện nghiêm chỉnh Bộ Luật lao động.

36.4. Các tổ chức đoàn thể Chính trị Xã hội khác trong Công ty hoạt động theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 37: Cổ tức

37.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của điều 93 của Luật Doanh nghiệp; cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã thông qua các cổ đông tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

37.2. Hàng năm Công ty trả cổ tức một lần vào cuối năm, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

37.3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

37.4. Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức nào khác nếu khoản cổ tức đó vẫn còn tại quỹ Công ty vì lý do nào đó mà cổ đông chưa nhận

37.5.Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như thanh toán bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành vv...) nếu được cổ đông có cổ tức chấp thuận .

37.6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt nam; hình thức thanh toán cổ tức cho cổ đông có thể theo các hình thức dưới đây:

a) Theo yêu cầu của Cổ đông, Công ty cũng có thể thanh toán bằng séc hoặc chuyển trả tiền mặt gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông.

b) Chuyển uỷ nhiệm chi trả vào tài khoản của cổ đông đã đăng ký.

c) Trong trường hợp thanh toán như trên nếu có rủi ro phát sinh phí chuyển tiền thì cổ đông đó phải chịu.

37.7.Mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể thực hiện bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông cho Công ty biết chi tiết về tài khoản của cổ đông và Ngân hàng. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không được nhận.

37.8 Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty môi giới chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

37.9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phần khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó thực hiện.

37.10. HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định cụ thể các cổ đông đến nhận cổ tức;

46.1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

46.2. Tổng giám đốc cử người có trách nhiệm quản lý con dấu, nếu để mất hoặc lợi dung con dấu làm việc phi pháp sẽ phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước luật pháp .

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47: Chấm dứt hoạt động.

47.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, hoặc kết thúc thời hạn đã gia hạn;

b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

47.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết; căn cứ vào nghị quyết HĐQT quyết định, quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 48: Trường hợp bất đồng giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị trong Đại hội đồng cổ đông và các cổ đông này cũng có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các trường hợp sau:

a) Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất được trong việc quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

b) Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

c) Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 49: Gia hạn hoạt động.

49.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

49.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua uỷ quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 50: Thanh lý

50.1.Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý tối thiểu gồm 03 thành viên.Trong số các thành viên của Ban Thanh lý có ít nhất hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý cũng có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chọn chuyên gia độc lập không phải là thành

viên Công ty. Tất cả các chi phí liên quan đến công tác thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

50.2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

50.3. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí cho công tác thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên;

c) Thuế và các khoản mà Công ty nợ phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

e) Các khoản nợ của Công ty ;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản thứ tự từ mục (a) đến mục (e) ở trên, còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ sở hữu cổ phần. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51: Giải quyết tranh chấp nội bộ

51.1. Khi có phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty như: tranh chấp giữa một cổ đông, các cổ đông với Công ty, tranh chấp giữa một cổ đông, các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Cán bộ Quản lý chủ chốt vv về các quyền của các cổ đông hoặc bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Điều lệ hoặc Luật doanh nghiệp, các luật khác quy định...thì sẽ thực hiện các biện pháp giải quyết tranh chấp trình tự như sau:

a) Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thành lập Ban hòa giải để thực hiện công tác hòa giải giữa các bên bất đồng.

b) Ban hòa giải gồm 3 chuyên gia pháp lý và không phải là cổ đông của Công ty, không phải là người thân của cổ đông nào có liên quan đến tranh chấp đó.

c) Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày thành lập Ban hòa giải); Ban hòa giải phải đưa ra quyết định về vụ tranh chấp, trường hợp đặc biệt cũng không kéo dài quá 60 ngày.

51.2. Thù lao cho các thành viên của Ban hòa giải do Công ty chịu 50%, các bên tranh chấp theo nguyên tắc chia đều nhau 50% còn lại.

51.3. Các bên liên quan sẽ cố gắng tìm mọi biện pháp giải quyết tranh chấp đó thông qua hoà giải.

51.4. Trường hợp không thượng lượng, hòa giải được trong vòng 6 tuần lễ thì một bên hay các bên có quyền đưa vụ kiện đó ra Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, các bên phải nghiêm chỉnh chấp hành. Bên nào chịu án phí sẽ do Toà án quyết định.

CHƯƠNG XX: SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

52.1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông được tổ chức hợp lệ mới có quyền bổ sung, sửa đổi các điều khoản của điều lệ này.

52.2. Khi pháp luật của Nhà nước có thay đổi; nếu những điều khoản trong điều lệ này trái với quy định của pháp luật thì được thực hiện theo luật pháp; đồng thời Hội đồng quản trị phải xin ý kiến cổ đông để sửa đổi điều lệ trong thời gian sớm nhất cho phù hợp với luật hiện hành.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53: Hiệu lực:

53.1. Bản điều lệ này chính thức duy nhất gồm XXI (21) chương, 53 điều và có hiệu lực từ ngày được Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 họp thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2009; điều lệ này thay thế bản điều lệ đầu tiên của công ty được các cổ đông sáng lập thông qua ngày 29-11-2003

53.2. Những vấn đề không ghi trong bản điều lệ này thực hiện theo luật Doanh nghiệp

53.3. Trong trường hợp có những quy định của các luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này thì luật có hiệu lực được áp dụng vào hoạt động của Công ty.

53.4. Điều lệ được lập thành 15 bản chính, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (1) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b) Hai (2) bản tại cơ quan cấp Giấy đăng ký Kinh doanh và TT giao dịch Chứng khoán (khi công ty lên sàn chứng khoán)

c) Bốn (4) bản lưu trữ tại Công ty (Văn phòng 2 bản, HĐQT một bản và Ban

Kiểm soát một bản).

d) Mỗi cổ đông sáng lập một (1) bản .

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và có dấu của Công ty đóng mới hợp lệ.

Hà Nội , Ngày tháng năm 2009

TM.CHỦ TỊCH ĐOÀN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT

c) Bốn (4) bản lưu trữ tại Công ty (Văn phòng 2 bản, HĐQT một bản và Ban Kiểm soát một bản).

d) Mỗi cổ đông sáng lập một (1) bản .

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc và có dấu của Công ty đóng mới hợp lệ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2009

TM.CHỦ TỊCH ĐOÀN ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 3300361563 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN
T.X HƯƠNG TRÀ - T. THỪA THIÊN HUẾ

Vũ Quang Hội